

BÀI ÔN TẬP CUỐI KỲ 1 - ĐỊA LÝ 12

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1. Câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta là

- A. đất xám bạc màu. B. đất mùn thô. C. đất phù sa. **D. đất feralit.**

Câu 2: Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. mùa mưa lùi dần về mùa thu - đông. B. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.
C. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. D. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.

Câu 3: Lao động trong công nghiệp ở nước ta hiện nay

- A. chiếm toàn bộ cơ cấu lao động theo ngành.
B. hầu hết đều có tác phong công nghiệp cao.
C. tăng trình độ ứng dụng khoa học công nghệ.
D. tỉ trọng giảm nhanh trong cơ cấu lao động.

Câu 4: Khó khăn tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động khai thác hải sản xa bờ của nước ta?

- A. Hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt. **B. Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới.**
C. Môi trường biển và hải đảo ô nhiễm. D. Hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng với đô thị hóa ở nước ta hiện nay?

- A. Tỉ lệ dân thành thị không thay đổi. B. Số đô thị giống nhau ở các vùng.
C. Số dân ở đô thị nhỏ hơn nông thôn. D. Trình độ đô thị hóa còn rất thấp.

Câu 6: Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.** B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. D. Tây Nguyên.

Câu 7: Nguồn cung cấp thịt chủ yếu trên thị trường nước ta hiện nay là từ chăn nuôi

- A. lợn.** B. gia cầm. C. trâu. D. bò.

Câu 8: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
B. Chi phối tất cả các thành phần kinh tế khác.
C. Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
D. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất.

Câu 9: Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là

- A. khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.
B. giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.
C. tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.
D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

Câu 10: Biểu hiện rõ rệt nhất của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta thời gian gần đây là

- A. đẩy mạnh ngành công nghiệp khai khoáng để tạo nguồn hàng xuất khẩu.
B. tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến tăng, ngành công nghiệp khai thác giảm.
C. giá trị ngành công nghiệp chế biến tăng, ngành công nghiệp khai thác giảm.
D. ngành công nghiệp chế biến có tỉ trọng thấp hơn ngành công nghiệp khai thác.

Câu 11: Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta hiện nay là khu vực

- A. có vốn đầu tư nước ngoài.** B. Nhà nước.
C. ngoài nhà nước. D. kinh tế tập thể.

Câu 12: Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang được cơ cấu lại theo hướng

- A. nâng cao trình độ công nghệ.** B. phát triển theo chiều rộng.
C. phát triển mạnh khai khoáng. D. chú trọng thị trường trong nước.

Câu 13: Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay là

- A. thủy điện. B. điện nguyên tử. C. điện mặt trời. **D. nhiệt điện.**

Câu 14: Vị trí địa lí nước ta

- A. ở trung tâm Đông Nam Á. B. tiếp giáp với Ấn Độ Dương.
C. giáp với nhiều quốc gia. D. nằm trên vành đai sinh khoáng.

Câu 15: Gió mùa đông bắc xuất phát từ

- A. biển Đông. B. Ấn Độ Dương. C. áp cao Xi-bia. D. vùng núi cao.

Câu 16: Nước ta có thành phần dân tộc đa dạng chủ yếu do

- A. lịch sử định cư và khai thác lãnh thổ từ sớm.
B. có nền văn hóa đa dạng giàu bản sắc dân tộc.
C. là nơi gặp gỡ nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử.
D. tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây không đúng với chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay?

- A. Là một trong số nguồn cung cấp thịt chủ yếu.
B. Chăn nuôi gia cầm tăng mạnh với tổng đàn lớn.
C. Tổng đàn gia cầm bị giảm khi có dịch bệnh.
D. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu ra nước ngoài.

Câu 18: Lao động trong ngành thủy sản ở nước ta hiện nay

- A. thiếu kinh nghiệm trong khai thác thủy sản.
B. trình độ tay nghề giữ ổn định qua các năm.
C. đang được nâng dần kiến thức chuyên môn.
D. chưa được sử dụng khoa học và công nghệ.

Câu 19: Công nghiệp khai thác dầu khí của nước ta phân bố nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta?

- A. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.
B. Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.
C. Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lý.
D. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

Câu 21: Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A. cây lương thực. B. cây rau đậu. C. cây công nghiệp. D. cây ăn quả.

Câu 22: Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 23: Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất ở nước ta là

- A. Đông nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ.
B. Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.
C. Đông nam Bộ và Tây Nguyên.
D. Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 24: Điều kiện thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy sản nước mặn ở nước ta là có

- A. sông suối, kênh rạch và ao hồ dày đặc.
B. diện tích mặt nước lớn ở các đồng ruộng.
C. nhiều bãi triều, đầm phá và cửa sông.
D. nhiều vũng, vịnh và vùng biển ven các đảo.

Câu 25: Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới là đặc điểm của vùng

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đông Nam Bộ.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 26: Biện pháp hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng nông sản sau thu hoạch ở nước ta là

- A. cơ giới hóa khâu sản xuất. B. sử dụng các chất bảo quản.
C. nâng cao năng suất. D. phát triển công nghiệp chế biến.

Câu 27: Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là

- A. điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên, dân cư và lao động.
B. nguồn lao động, cơ sở vật chất-kỹ thuật, thị trường, nguồn tài nguyên.
C. vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, chính sách phát triển của công nghiệp.
D. vị trí địa lý, tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội.

Câu 28: Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 29: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?

- A. Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến. B. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
C. Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác. D. Cơ cấu ngành ngày càng đơn giản.

Câu 30. Trong cơ cấu giá trị ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng có xu hướng tăng nhanh về tỉ trọng những năm gần đây là

- A. cây lương thực và cây công nghiệp.
- C. cây lương thực và cây ăn quả.

- B. cây rau đậu và cây công nghiệp.
- D. cây rau đậu và cây lương thực.

2. Câu Đúng - Sai

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản, Việt Nam được nhận định có tiềm năng lớn để phát triển nuôi trồng thủy sản. Bờ biển dài hơn 3 260 km với 112 cửa sông, lạch đổ ra biển có khả năng phong phú nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn. Ngoài ra, còn hàng nghìn đảo lớn nhỏ nằm rải rác dọc theo đường biển là những khu vực có thể phát triển nuôi trồng thủy sản quanh năm.

- a) Sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác.
- b) Nước ta có khả năng nuôi được các loại thủy sản nước mặn, nước ngọt và nước lợ.
- c) Sản phẩm nuôi trồng ngày càng đa dạng nhằm nâng cao giá trị sản xuất, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- d) Đồng bằng sông Hồng có diện tích nuôi trồng thủy sản lớn nhất do có diện tích mặt nước lớn.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Tính chất này thể hiện ở sự tương phản giữa mùa khô và mùa mưa ở phía nam vĩ tuyến 16°B và sự tương phản giữa mùa lạnh và mùa nóng ở phía bắc vĩ tuyến 16°B. Hoạt động của gió mùa đã phá vỡ tính liên tục và thường xuyên của Tín phong – vốn là hoàn lưu điển hình và rộng khắp trong vùng nội chí tuyến.

(Nguồn: Giáo trình Địa lý tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, 2024, trang 48)

- a) Thông tin trên đề cập đến tính chất gió mùa của khí hậu nước ta.
- b) Nguyên nhân gây ra tính chất trên do vị trí nước ta nằm trong khu vực gió mùa châu Á.
- c) Gió Tín phong hoạt động mạnh lên khi gió mùa suy yếu.
- d) Gió mùa mùa hạ là nhân tố chính tạo nên mùa khô ở phía nam vĩ tuyến 16°B.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đối với nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, cơ cấu dịch chuyển theo hướng tăng tỉ trọng của ngành thủy sản, giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp. Giá trị các sản phẩm nông nghiệp được nâng cao qua việc liên kết với công nghiệp chế biến, các dịch vụ nông nghiệp, theo chuỗi giá trị: sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

- a) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta hiện nay đã chú trọng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa.

- b) Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với quá trình công nghiệp hóa nông thôn, ưu tiên phục vụ nhu cầu tại chỗ.

- c) Công nghiệp chế biến góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- d) Để tham gia vào các chuỗi cung ứng giá trị, ngành nông nghiệp nước ta cần thu hút thêm nhiều vốn đầu tư.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Sản xuất nông nghiệp trong những năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn. Thành tựu lớn nhất là đã đảm bảo được an ninh lương thực quốc gia, từ một nước có một nền nông nghiệp lạc hậu vươn lên trở thành một nước có nền nông nghiệp hàng hóa, có vị trí đáng kể trong khu vực và trên thế giới.

(Nguồn: gso.gov.vn, 2021)

- a) Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong khai thác hiệu quả nguồn lực để phát triển kinh tế nước ta.

- b) Nông nghiệp đóng góp phần lớn tỉ trọng trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, đem lại nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước.

- c) Nông nghiệp có mối quan hệ trong sự phát triển các ngành kinh tế khác ở nước ta.

- d) Nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới ở nước ta.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Khu vực đồng bằng chiếm 1/4 diện tích với đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long và các đồng bằng ven biển. Đất ở các đồng bằng châu thổ chủ yếu là đất phù sa có độ phì cao, màu mỡ, rất thích hợp cho việc trồng cây lương thực, thực phẩm, tạo thuận lợi cho chăn nuôi lợn và gia cầm.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng là hai vùng trọng điểm lương thực thực phẩm lớn của nước ta.

- b) Đất đai màu mỡ, địa hình bằng phẳng là điều kiện chủ yếu nhất cho các đồng bằng phát triển nông nghiệp hữu cơ.

c) Các đồng bằng là nơi tập trung đàn gia súc nhỏ và gia cầm qui mô lớn do thị trường rộng, nguồn thức ăn dồi dào.

d) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có qui mô đàn vịt lớn nhất cả nước do có diện tích mặt nước lớn, khí hậu thuận lợi.

Câu 6: Cho thông tin sau:

Từ ngày 10/1, ở khu vực Bắc bộ, Thanh Hóa và Nghệ An trời chuyển rét, vùng núi có nơi rét đậm. Trong đợt không khí lạnh này nhiệt độ thấp nhất ở Bắc bộ, Thanh Hóa và Nghệ An phổ biến từ 16 – 18 độ C, riêng khu vực vùng núi Bắc bộ 13 – 15 độ C, vùng núi cao có nơi dưới 10 độ C. Đáng nói, khối không khí lạnh đang tràn xuống nước ta lần này lệch Đông nhiều nên mang theo độ ẩm lớn, gây mưa phùn, mưa nhỏ cho toàn Bắc bộ trong nhiều ngày. Do vậy, đợt rét này ở Bắc bộ có mưa nên người dân cảm thấy rét hơn.

(Nguồn: *anninhthudo.vn*, 2024)

a) Đợt không khí lạnh được đề cập có bản chất là gió mùa Đông Bắc.

b) Mức độ tác động của khối khí lạnh trên tăng dần khi về phía nam.

c) Khối khí lạnh biên tính ẩm là nguyên nhân chính gây ra mưa phùn cho Bắc Bộ vào mùa đông.

d) Rét đậm xảy ra khi nhiệt độ trung bình ngày trong khu vực giảm xuống dưới 10°C.

Câu 7. Cho thông tin sau:

Với tỷ trọng 17,8% trong toàn ngành công nghiệp, ngành công nghiệp điện tử hiện đang là ngành công nghiệp sản xuất then chốt và đang trên đà phát triển mạnh mẽ để trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam.

a) Do tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều thành tựu khoa học đã được ứng dụng vào ngành công nghiệp điện tử của nước ta.

b) Hiện nay nước ta đã chủ động hoàn toàn nguồn nguyên liệu sản xuất điện tử dẫn đến giá trị sản xuất tăng cao.

c) Các khu công nghiệp, khu chế xuất được xây dựng hiện đại đáp ứng môi trường sản xuất thuận lợi cho doanh nghiệp chủ yếu do chính sách của Nhà nước.

d) Lực lượng lao động có trình độ cao chiếm đa số khiến cho các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc sử dụng nhân công.

Câu 8. Cho thông tin sau:

Năm 2010 và năm 2021, diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt lần lượt là 8,6 triệu ha và 8,1 triệu ha. Trong đó, lúa luôn chiếm trên 80% diện tích cây lương thực có hạt. Cả nước có 2 vùng trọng điểm chuyên canh cây lương thực là Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.

a) Lúa đóng vai trò thứ yếu trong diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt.

b) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lương thực lớn thứ hai cả nước.

c) Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao do trình độ thâm canh cao.

d) Diện tích gieo trồng lúa ở nước ta có xu hướng giảm do chuyển đổi cơ cấu cây trồng và mục đích sử dụng đất.

Câu 9: Diện tích cây công nghiệp lâu năm chiếm hơn 80% tổng diện tích cây công nghiệp của cả nước năm 2021. Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm đã đưa nước ta trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về một số sản phẩm như: cà phê, cao su, điều, hồ tiêu,... Trên cả nước đã hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.

(Nguồn: *Sách giáo khoa Địa lí 12 – Cánh Diều*, NXB Đại học Sư phạm, 2024, trang 50)

a) Cà phê, hồ tiêu được trồng nhiều ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

b) Cao su được trồng chủ yếu ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Hồng.

c) Chè được trồng chủ yếu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ.

d) Hiện nay, nước ta đứng hàng đầu thế giới về xuất khẩu cà phê, hạt điều.

Câu 10. Cho thông tin sau:

Công nghiệp khai thác dầu khí mới được hình thành từ năm 1986. Dầu khí của nước ta phân bố chủ yếu ở các bể trầm tích chứa dầu ngoài thềm lục địa phía Nam, triển vọng nhất về trữ lượng cũng như khả năng khai thác là bể Cửu Long và Nam Côn Sơn. Với trữ lượng khoảng vài tỉ tấn dầu mỏ và hàng trăm tỉ m³ khí, đây là nguồn nhiên liệu phong phú cho các nhà máy nhiệt điện và là nguyên liệu cho sản xuất phân đạm.

(Nguồn: *Tổng quan ngành năng lượng Việt Nam*, ngày 30/1/2021)

a) Công nghiệp dầu khí có lịch sử phát triển sớm hơn công nghiệp khai thác than.

b) Các nhà máy nhiệt điện khí phát triển ở phía Nam do gần nguồn nhiên liệu.

c) Dầu thô và khí tự nhiên nước ta được khai thác chủ yếu ở vùng biển Bắc Trung Bộ.

d) Ngành dầu khí đã và đang áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến trong khai thác, tăng cường liên kết, hợp tác với nước ngoài.

3. Câu trả lời ngắn

Câu 1: Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Đáp án: 62,8

Câu 2: Biết rằng giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của nước ta năm 2021 là 2125,2 nghìn tỉ đồng, tỉ lệ của ngành thủy sản chiếm 26,3 % giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Tính giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng).

A. 559

Câu 3: Năm 2021, qui mô GDP của nước ta theo ngành kinh tế 7 592 323 tỉ đồng, trong đó khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng 44,3%. Hãy tính qui mô GDP khu vực dịch vụ năm 2021. (Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

A. 3363

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Số lượng điện thoại di động của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 (Đơn vị: triệu cái)

Năm	2010	2021
Điện thoại di động	37,5	183,3

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng số lượng điện thoại di động của Việt Nam năm 2021 so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

A. 489

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp ở nước ta năm 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2021
Cây công nghiệp hàng năm	425,9
Cây công nghiệp lâu năm	2200,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Diện tích cây công nghiệp hàng năm chiếm bao nhiêu % diện tích cây công nghiệp nước ta năm 2021 %? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Đáp án: 16,2

II. TỰ LUẬN (2,0 đ)

Câu 1: Kể tên các sản phẩm chuyên môn hóa (mang nét đặc trưng) của các vùng nông nghiệp sau:

Tên vùng	Sản phẩm trồng trọt	Sản phẩm chăn nuôi
Trung du miền núi Bắc Bộ	- Cây công nghiệp: Chè, hồi, quế, trẩu... - Cây dược liệu: - Cây ăn quả: Cam, táo, mận, mơ	- Trâu, bò. - Lợn.
Tây Nguyên	- Cây công nghiệp: cà phê, cao su, hồ tiêu, chè ... - Rau, hoa.	- Bò sữa, bò thịt.
Đồng bằng sông Hồng	- Lúa gạo, cây thực phẩm - Cây công nghiệp hàng năm: đậu, cói ...	- Lợn, gia cầm (gà). - Bò sữa. - Thủy sản.
Đồng bằng sông Cửu Long	- Lúa gạo - Cây công nghiệp hàng năm: mía, đậu tương... - Cây ăn quả nhiệt đới	- Gia cầm (vịt) - Thủy sản.

Câu 2: Nhận xét bảng số liệu

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và 2021

(Đơn vị : Nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Khu vực kinh tế Nhà nước	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	843,6	4 481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,8
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Câu 3: Nhận xét bảng số liệu

Số lượng trâu, bò và gia cầm ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: triệu con)

Năm	2010	2015	2021
Trâu	2,9	2,6	2,3
Bò	5,9	5,7	6,4
Gia cầm	301,9	369,5	524,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)